

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI PHÚC KHANG MEDIA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI PHÚC KHANG MEDIA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109562303

3. Ngày thành lập: 22/03/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 62 ngõ 6 Thôn Hữu Lê, Xã Hữu Hoà, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0985706219

Fax:

Email: Mediaphuckhang@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ hướng dẫn đào tạo đặt biệt cho trẻ em và người trưởng thành. Đào tạo ngoại ngữ, mỹ thuật, kỹ năng sống, kỹ năng tự vệ và các kỹ năng khác qua internet, qua các hệ thống trung tâm và trường học.	8559
2.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; Kinh doanh dịch vụ cho thuê lại lao động; Kinh doanh dịch vụ việc làm	7830
3.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
4.	Xây dựng nhà để ở	4101
5.	Xây dựng nhà không để ở	4102
6.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
7.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
8.	Điều hành tua du lịch	7912
9.	Đại lý du lịch	7911
10.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
11.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
12.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
13.	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại	3822
14.	Tái chế phế liệu	3830
15.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
16.	Thu gom rác thải độc hại	3812

17.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Kinh doanh trang thiết bị y tế.	4659
18.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	8620
19.	Hoạt động của hệ thống cơ sở chính hình, phục hồi chức năng	8692
20.	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu	8699
21.	Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng	8710
22.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp	4669
23.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
24.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	4649
25.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ tư vấn giáo dục; Hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài	8560
26.	Giáo dục mẫu giáo	8512
27.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
28.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Kinh doanh rượu	4633
29.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Kinh doanh xăng dầu	4661
30.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Thiết kế website, logo	7410(Chính)
31.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
32.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí; (không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm)	6399
33.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
34.	Bốc xếp hàng hóa	5224
35.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
36.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510

37.	Cơ sở lưu trú khác	5590
38.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
39.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
40.	Quảng cáo (Trừ quảng cáo thuốc lá)	7310
41.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
42.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
43.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
44.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
45.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
46.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
47.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
48.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
49.	Lập trình máy vi tính	6201
50.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5911
51.	Hoạt động viễn thông khác	6190
52.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
53.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
54.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
55.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Loại trừ : - Hoạt động của những nhà báo độc lập; - Thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng; - Tư vấn chứng khoán	7490
56.	Cho thuê xe có động cơ	7710
57.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
58.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
59.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
60.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
61.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
62.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
63.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211

64.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
65.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
66.	Dịch vụ đóng gói	8292
67.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
68.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
69.	Sản xuất sợi	1311
70.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
71.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
72.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
73.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
74.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
75.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
76.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
77.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
78.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
79.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
80.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
81.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
82.	Sản xuất giày, dép	1520
83.	In ấn	1811
84.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
85.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
86.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
87.	Bán buôn tổng hợp	4690
88.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
89.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
90.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
91.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
92.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
93.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
94.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý hàng hoá	4610

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

Thời gian đăng từ ngày 22/03/2021 đến ngày 21/04/2021

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN TIẾN DŨNG	Thôn 10, Xã Trục Đạo, Huyện Trục Ninh, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	30,000	015092000117	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	30,000		
2	LÃ THỊ TRANG	Thôn 10, Xã Trục Đạo, Huyện Trục Ninh, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	60,000	163200589	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	60,000		

3	LÃ THỊ KIM ANH	Thôn 18, Xã Trục Đạo, Huyện Trục Ninh, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	10,000	163355326	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	50.000	500.000.000	10,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÃ THỊ TRANG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 25/12/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 163200589

Ngày cấp: 10/08/2013

Nơi cấp: C/A Tỉnh Nam Định

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 10, Xã Trục Đạo, Huyện Trục Ninh, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn 10, Xã Trục Đạo, Huyện Trục Ninh, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội